

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Diệu

- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên họp:
Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-VDS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 09 tháng 7 năm 2019, đối với:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Chị Nguyễn Thị B trình bày: Chồng chị là anh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/7/1975 tham gia đi tàu đánh bắt khai thác thủy hải sản cùng với Nguyễn Ngọc Tiến là chủ tàu cá mang biển kiểm soát QB 93893 TS. Vào ngày 22/8/2010 (âm lịch), anh T cùng với chủ tàu ông Nguyễn Ngọc T1 và 5 thuyền viên khác là Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn X và Đoàn Văn T2 rời cảng biển đánh bắt cùng với các tàu cá khác. Đến ngày 27/8/2010 (âm lịch) tức ngày 04/10/2010 dương lịch, trong khi đang đánh bắt cá trên biển thì thời tiết thay đổi, mưa gió, sóng to, gió lớn bất thường làm tàu bị chìm ngoài biển. Khi tàu bị lật chìm, anh Tiến chủ tàu và những thuyền viên khác đã dùng bộ đàm liên lạc, phát tín hiệu để kêu cứu nhưng những tàu cá khác không tiếp cận cứu vớt được. Tàu chìm làm anh T, chủ tàu và những thuyền viên khác trên tàu bị mất tích. Gia đình chị và chính quyền địa phương đã cố gắng tìm kiếm nhưng cho đến nay vẫn

không tìm thấy thi thể của anh T và đến nay cũng không có tin tức gì của anh. Đã gần 9 năm kể từ khi anh T cùng thuyền viên trên tàu mất tích không có tin tức gì nên chị B yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Thanh T là đã chết.

Đồn Biên phòng cửa khẩu Cảng Gianh cũng đã xác nhận sự cố thiên tai xảy ra đúng thực tế như đơn trình bày của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã chết là việc dân sự “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” được quy định tại khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung vụ việc: Xác định chồng của chị Nguyễn Thị B là anh Nguyễn Thanh T vào ngày 04/10/2010, trong khi đang đánh bắt hải sản trên tàu đánh cá mang số hiệu QB 93893 TS cùng chủ tàu là anh Nguyễn Ngọc T1 và 05 thuyền viên khác là anh Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn X và Đoàn Văn T2, do thời tiết thay đổi đột ngột, mưa to, sóng lớn và gió lốc lớn bất thường đã làm tàu bị chìm ngoài biển. Anh T1 chủ tàu và những thuyền viên khác đã dùng bộ đàm liên lạc, phát tín hiệu để kêu cứu nhưng vì thời tiết trở ngại nên những tàu cá khác không tiếp cận cứu vớt được. Tàu chìm đắm ngoài biển làm anh T và những thuyền viên khác trên tàu bị mất tích, không tìm được thi thể. Sau khi tai nạn xảy ra, chính quyền địa phương, các ban ngành và gia đình đã phối hợp tổ chức tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có kết quả, không tìm được thi thể của anh T cũng như những người trên tàu. Cho đến nay thời gian đã gần 9 năm nhưng gia đình chị B hoàn toàn mất tin tức, liên lạc của anh T. Gia đình anh T cũng đã xác định anh T đã chết trong ngày mưa bão 04/10/2010 và lấy ngày này để gia đình hương khói, thờ cúng anh T.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của chị B, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã làm các thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cụ thể là Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam để tìm kiếm anh Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên, đã hơn 4 tháng kể từ ngày đăng phát tin tìm kiếm đầu tiên (08/3/2019) vẫn không có tin tức xác thực là anh T còn sống. Do đó, thấy yêu cầu của chị B về việc đề nghị Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Thanh T là đã chết là có căn cứ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Về xác định ngày chết: Ngày 04/10/2010 là ngày biết tin tức cuối cùng của anh Nguyễn Thanh T, do đó, ngày này được xác định là ngày chết của anh Nguyễn Thanh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết việc dân sự đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân thủ pháp luật không vi phạm tố tụng. Về nội dung, đề nghị căn cứ Điều 71 Bộ luật dân sự; các Điều 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về việc tuyên bố anh Nguyễn Thanh T đã chết, xác định ngày chết của anh T là ngày 04/10/2010.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc dân sự để sung vào công quỹ Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 369, Điều 370, Điều 391, Điều 392 và Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 71, 72 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án của Ủy ban thường vụ quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B về việc “Tuyên bố một người là đã chết”.

Tuyên bố: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình là đã chết.

Xác định ngày anh Nguyễn Thanh T chết là ngày 04/10/2010.

Quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của anh Nguyễn Thanh T được giải quyết như đối với người đã chết.

Quan hệ tài sản của anh Nguyễn Thanh T được giải quyết như đối với người đã chết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003058 ngày 19/02/2019 . Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng bình;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”.

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm....”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”